

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

kèm theo

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN ALLIANCE OF INTER-CONTINENTAL ACCOUNTANTS

Trụ sở chính: Số 3, ngõ 1295, đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

ĐT: (84) 4 3974 5080/81/82 * Fax: (84) 4 3974 5083

Email: cpahanoi@fpt.vn * Website: www.cpahanoi.com

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 08 Biên Cương, P.Ngô Mây, TP.Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Điện thoại: 0563 522 166 Fax: 0563 522 316

MỤC LỤC

Nội dung	Trang số
Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4 - 5
Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/06/2017	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2017	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu năm 2017	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2017	10 - 36

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 08 Biên Cương, P.Ngô Mỹ, TP.Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**
Điện thoại: 0563 522 166 Fax: 0563 522 316 *đính kèm Báo cáo tài chính*

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Giới thiệu về Công ty Cổ phần Xây dựng 47:

Công ty Cổ phần Xây dựng 47 là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty Xây dựng 47 theo Quyết định số 4411/2001/QĐ/BNN-TCCB ngày 08/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100258747, đăng ký lần đầu ngày 27/06/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp, đăng ký thay đổi lần 17 ngày 17/01/2017. Theo đó:

Vốn Điều lệ của Công ty: 170.201.300.000 đồng

(Bằng chữ: Một trăm bảy mươi tỷ, hai trăm linh một triệu, ba trăm nghìn đồng)

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Trụ sở chính: Số 08 Biên Cương, P.Ngô Mỹ, TP.Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

Công ty có các công ty con sau:

Tên công ty	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Du lịch Hàm Hô, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 76,35%	Xã Tây Phú, Huyện Tây Sơn, Tỉnh Bình Định
Công ty Cổ phần Thủy điện Văn Phong, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 59,81%	Số 08 Biên Cương, Phường Ngô Mỹ, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Lĩnh vực hoạt động và ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác: Đại tu xe, máy thi công;
Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu: Sản xuất, phục hồi phụ kiện cơ khí, sản xuất các sản phẩm cơ khí công trình;
- Bán buôn tổng hợp: Mua bán rượu, thuốc lá, hàng thủ công mỹ nghệ;
Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao):
- Dịch vụ massage;
- Điều hành tua du lịch: Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế, các dịch vụ du lịch khác;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục: Tư vấn du học;
Vận tải hành khách đường bộ khác: Kinh doanh vận tải khách bằng ô tô theo hợp đồng, kinh doanh vận tải khách bằng ô tô theo tuyến cố định, kinh doanh vận tải khách bằng xe taxi, kinh doanh vận tải khách du lịch bằng ô tô;
Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu: Kinh doanh dịch vụ thể thao, giải trí, trò chơi thể thao trên biển;
- Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội): Đại lý thu đổi ngoại tệ;
- Xây dựng nhà các loại: Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông kết cấu;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch: Tổ chức hội nghị, hội thảo;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác: Thi công khoan phụt vữa xử lý nền và thân công trình;
Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất gạch không nung;
- Hoạt động viễn thông khác: Hoạt động của các điểm truy cập internet;
- Cho thuê xe có động cơ: Cho thuê ô tô;
- Giáo dục nghề nghiệp: Dạy nghề;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động: Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ: Xây dựng công trình đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Khách sạn;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lao động: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống;
- Đại lý, môi giới, đầu giá: Đại lý rượu, bia, nước giải khát, đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty tại ngày lập Báo cáo bao gồm:

A Hội đồng quản trị:

1 Ông Nguyễn Lương Am	Chủ tịch HĐQT
2 Ông Đinh Tấn Dương	Phó Chủ tịch HĐQT
3 Ông Đặng Ngọc Căn	Thành viên HĐQT
4 Ông Phan Thanh Lâm	Thành viên HĐQT
5 Ông Phạm Văn Nho	Thành viên HĐQT
6 Ông Phùng Văn Viễn	Thành viên HĐQT
7 Ông Dương Minh Quang	Thành viên HĐQT

B Ban Tổng Giám đốc:

1 Ông Dương Minh Quang	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/06/2016)
2 Ông Nguyễn Xuân Cần	Phó Tổng Giám đốc
3 Ông Đinh Tấn Dương	Phó Tổng Giám đốc
4 Ông Huỳnh Khế	Phó Tổng Giám đốc
5 Ông Phan Thanh Lâm	Phó Tổng Giám đốc
6 Ông Trần Đình Liễn	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 20/01/2016)
7 Ông Nguyễn Văn Phúc	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 20/01/2016)
8 Ông Phạm Văn Nho	Kế toán trưởng

2. Kiểm toán viên độc lập

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 của Công ty được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPAHANOI).

3. Tại Báo cáo này Ban Tổng Giám đốc xin khẳng định những vấn đề sau đây:

- Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý;
- Chúng tôi đã cung cấp toàn bộ các tài liệu kế toán cần thiết cho các kiểm toán viên và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các tài liệu đã cung cấp;
- Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày.
- Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chính sách kế toán đã được trình bày trong Thuyết minh Báo cáo tài chính; phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty.
- Chúng tôi khẳng định rằng Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong kỳ kế toán tiếp theo.

Đại diện
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47
 TP. Quy Nhơn, ngày 28 tháng 07 năm 2017

Tổng Giám đốc

Dương Minh Quang

TP. Quy Nhơn, ngày 28 tháng 07 năm 2017



Số: 257/CPAHANOI – BCSX

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi:

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng 47 được lập ngày 28/07/2017 từ trang 06 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng 47 chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo soát xét được lập thành 06 bản tiếng Việt; các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty Cổ phần Xây dựng 47 giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản.

Hà Nội, ngày 21 tháng 08 năm 2017

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tĩnh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Số: 0132-2013-016-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.340.663.615.309	1.313.777.467.304
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		26.337.663.803	15.635.917.276
1. Tiền	111	V.01	26.337.663.803	15.635.917.276
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		438.414.897.070	443.874.019.115
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	334.492.205.963	302.286.134.784
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	43.310.832.605	88.728.897.606
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	66.201.858.502	58.448.986.725
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	137	V.05	(5.590.000.000)	(5.590.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140	V.06	867.696.174.215	845.086.268.020
1. Hàng tồn kho	141		867.696.174.215	845.086.268.020
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.214.880.221	9.181.262.893
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.07	5.366.997.871	6.061.570.026
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17a	2.847.882.350	3.119.692.867
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		839.746.650.721	821.417.730.669
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.998.200.379	1.963.998.007
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.02	232.001.040	232.001.040
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.04	1.766.199.339	1.731.996.967
II. Tài sản cố định	220		692.242.341.554	691.983.849.816
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	681.000.293.537	680.741.801.799
- Nguyên giá	222		1.329.072.095.197	1.277.018.932.647
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(648.071.801.660)	(596.277.130.848)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	11.242.048.017	11.242.048.017
- Nguyên giá	228		11.988.985.290	11.988.985.290
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(746.937.273)	(746.937.273)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.10	29.641.836.941	22.842.642.167
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		29.641.836.941	22.842.642.167
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		92.211.830.562	91.454.265.007
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.11	61.460.000.000	61.460.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.12	40.000.000.000	40.000.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	V.13	(9.248.169.438)	(10.005.734.993)
V. Tài sản dài hạn khác	260		23.652.441.285	13.172.975.672
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	23.652.441.285	13.172.975.672
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.180.410.266.030	2.135.195.197.973

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của BCTC)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017
(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.911.825.855.785	1.872.194.466.060
I. Nợ ngắn hạn	310		1.231.568.072.559	1.294.122.598.780
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	309.093.198.823	399.527.966.857
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	36.372.741.181	22.617.236.448
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17b	2.857.344	1.722.380
4. Phải trả người lao động	314		92.308.522.363	42.223.539.263
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	41.491.787.131	77.884.891.490
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	750.528.121.051	750.011.597.676
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.770.844.666	1.855.644.666
II. Nợ dài hạn	330		680.257.783.226	578.071.867.280
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.16	284.000.000.000	284.000.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19	396.257.783.226	294.071.867.280
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		268.584.410.245	263.000.731.913
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	268.584.410.245	263.000.731.913
1. Vốn góp chủ sở hữu	411		170.201.300.000	170.201.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		170.201.300.000	170.201.300.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		32.680.208.094	32.680.208.094
3. Cổ phiếu ngân quỹ (*)	415		-	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		42.711.223.819	42.711.223.819
5. Lợi nhuận chưa phân phối	421		22.991.678.332	17.408.000.000
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		17.408.000.000	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.583.678.332	17.408.000.000
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.180.410.266.030	2.135.195.197.973

TP.Quy Nhơn, ngày 28 tháng 07 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TP.Quy Nhơn, ngày 28 tháng 07 năm 2017
Phòng Giám đốc



Hồ Đình Phong



Phạm Văn Nho



Dương Minh Quang

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 08 Biên Cương, P.Ngô Mây, TP.Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Điện thoại: 0563 522 166 Fax: 0563 522 316

Báo cáo tài chính
cho kỳ hoạt động
từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017

Số TT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 2		Đơn vị tính: đồng	
			Năm nay	Năm trước	Lũy kế đầu năm đến cuối kỳ này	Năm trước

			Quý 2		Đơn vị tính: đồng	
			Năm nay	Năm trước	Lũy kế đầu năm đến cuối kỳ này	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.01	250.764.702.811	415.296.722.181	495.703.096.145	724.533.260.162
2.	Các khoản giảm trừ	VI.02	11.542.657	8.939.164	22.851.400	16.825.178
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	VI.03	250.753.160.154	415.287.783.017	495.680.244.745	724.516.434.984
4.	Giá vốn hàng bán	VI.04	202.656.104.945	368.387.026.325	416.909.661.176	634.368.134.802
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	VI.05	48.097.055.209	46.900.756.692	78.770.583.569	90.148.300.182
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	VI.06	3.632.804.850	1.763.542.274	3.941.959.403	2.288.533.264
7.	Chi phí tài chính	VI.06	39.380.252.352	28.989.790.871	57.588.931.248	57.282.124.921
	- Trong đó: Chi phí lãi vay		36.001.400.679	24.948.376.536	52.887.816.917	50.048.969.380
8.	Chi phí bán hàng		-	-	-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.07	9.907.010.927	9.009.214.166	18.187.082.193	17.174.488.601
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.442.596.780	10.665.293.929	6.936.529.531	17.980.219.924
11.	Thu nhập khác	VI.08	143.974.274	19.808.304	233.039.214	6.805.264.664
12.	Chi phí khác	VI.09	731.150.475	146.905.122	1.164.956.896	7.139.089.447
13.	Lợi nhuận khác		(587.176.201)	(127.096.818)	(931.917.682)	(333.824.783)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.855.420.579	10.538.197.111	6.004.611.849	17.646.395.141
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành		(354.915.884)	1.616.995.460	420.933.517	3.180.799.027
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-	-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		2.210.336.463	8.921.201.651	5.583.678.332	14.465.596.114
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		-	-	-	-
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu		-	-	-	-

Người lập biểu

Hồ Đình Phong

Kế toán trưởng

Phạm Văn Nho

Đương Minh Quang

TP. Quy Nhơn, ngày 28 tháng 07 năm 2017

CÔNG TÔNG Giám đốc



(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của BCTC)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47Địa chỉ: Số 08 Biên Cương, P.Ngô Mây, TP.Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
Điện thoại: 0563 522 166 Fax: 0563 522 316**Báo cáo tài chính**

cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Lũy kế đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	559.904.516.645	861.477.964.375
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(429.530.182.229)	(572.708.835.798)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(949.956.133)	(85.410.846.091)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(52.871.599.678)	(53.837.984.254)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-	(2.692.332.219)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	40.202.734.363	74.285.687.904
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(66.414.442.124)	(162.278.345.806)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	50.341.070.844	58.835.308.111
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(146.186.801.273)	(64.876.172.055)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	203.835.486	3.150.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.641.202.149	541.983.814
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(142.341.763.638)	(61.184.188.241)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	435.693.264.859	620.564.232.470
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(332.990.825.538)	(636.645.091.696)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	102.702.439.321	(16.080.859.226)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	10.701.746.527	(18.429.739.356)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	15.635.917.276	27.132.146.649
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	26.337.663.803	8.702.407.293

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TP.Quy Nhơn, ngày 28 tháng 07 năm 2017

Tổng Giám đốc

Hồ Đình Phong

Phạm Văn Nho



Dương Minh Quang

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của BCTC)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017***I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Xây dựng 47 là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty Xây dựng 47 theo Quyết định số 4411/2001/QĐ/BNN-TCCB ngày 08/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100258747, đăng ký lần đầu ngày 27/06/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp, đăng ký thay đổi lần 17 ngày 17/01/2017. Theo đó:

Vốn điều lệ: 170.201.300.000 VND (Một trăm bảy mươi tỷ, hai trăm linh một triệu, ba trăm nghìn đồng)

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Trụ sở chính: Số 08 Biên Cương, P.Ngô Mây, TP.Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

Công ty có các công ty con sau:

Tên công ty	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Du lịch Hàm Hô, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 76,35%	Xã Tây Phú, Huyện Tây Sơn, Tỉnh Bình Định
Công ty Cổ phần Thủy điện Văn Phong, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 59,81%	Số 08 Biên Cương, Phường Ngô Mây, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

2. Lĩnh vực hoạt động: Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, dịch vụ, kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác: Đại tu xe, máy thi công;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu: Sản xuất, phục hồi phụ kiện cơ khí, sản xuất các sản phẩm cơ khí công trình;
- Bán buôn tổng hợp: Mua bán rượu, thuốc lá, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao): Dịch vụ massage;
- Điều hành tua du lịch: Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế, các dịch vụ du lịch khác;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục: Tư vấn du học;
- Vận tải hành khách đường bộ khác: Kinh doanh vận tải khách bằng ô tô theo hợp đồng, kinh doanh vận tải khách bằng ô tô theo tuyến cố định, kinh doanh vận tải khách bằng xe taxi, kinh doanh vận tải khách du lịch bằng ô tô;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu: Kinh doanh dịch vụ thể thao, giải trí, trò chơi thể thao trên biển;
- Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội): Đại lý thu đổi ngoại tệ;

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và được đọc cùng BCTC)

- Xây dựng nhà các loại: Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông kết cấu;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch: Tổ chức hội nghị, hội thảo;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác: Thi công khoan phụt vữa xử lý nền và thân công trình;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất gạch không nung;
- Hoạt động viễn thông khác: Hoạt động của các điểm truy cập internet;
- Cho thuê xe có động cơ: Cho thuê ô tô;
- Giáo dục nghề nghiệp: Dạy nghề;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động: Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ: Xây dựng công trình đường bộ;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lao động: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống;

4. Chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường: chu kỳ hoạt động kinh doanh là 12 tháng.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (đồng).

III. CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. **Hình thức kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.
3. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:**

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Xây dựng 47 tuyên bố Báo cáo tài chính kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính đã ban hành phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các Chính sách kế toán chủ yếu mà Công ty đã áp dụng để ghi sổ và lập Báo cáo tài chính:

1. Tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi công ty mở tài khoản vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền:

Nguyên tắc xác định các khoản tiền:

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và được đọc cùng BCTC)

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính:***Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết:***

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư góp vốn khác với mục đích nắm giữ lâu dài dưới các hình thức:

- Đầu tư dưới hình thức góp vốn vào đơn vị khác (do bên được đầu tư huy động vốn);
- Đầu tư dưới hình thức mua lại phần vốn góp tại đơn vị khác (mua lại phần vốn của chủ sở hữu)

Giá trị ghi sổ các khoản đầu tư vào công ty con được xác định theo giá trị hợp lý.

Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Thời điểm ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết là thời điểm chính thức có quyền sở hữu.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được xác định giá trị tổn thất tại thời điểm lập Báo cáo tài chính để trích lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết khi các công ty này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác:

Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào đơn vị khác được xác định theo giá gốc.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu:

Phải thu của khách hàng: phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, BĐS đầu tư, TSCĐ, các khoản đầu tư tài chính, cung cấp dịch vụ.

Phải thu nội bộ: phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với đơn vị cấp dưới hoặc giữa các đơn vị cấp dưới trực thuộc.

Phải thu khác: phản ánh các khoản nợ phải thu ngoài phạm vi đã phản ánh ở phải thu của khách hàng, phải thu nội bộ và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu này.

Các khoản phải thu của khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác tại thời điểm lập báo cáo, căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán không quá 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán.

Lập dự phòng phải thu khó đòi :

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và Thông tư 89/2013 TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.

50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.

70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.

100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 03 năm trở lên.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho và phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:**

* Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện. Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm. Các chi phí sản xuất chung được phân bổ trên cơ sở tỉ lệ sản phẩm hoàn thành trong kỳ.

Những chi phí không được tính và giá gốc hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ = Giá trị hàng tồn đầu kỳ + Giá trị hàng nhập trong kỳ - Giá trị hàng xuất trong kỳ. (Phương pháp tính giá hàng tồn kho theo phương pháp nhập trước xuất trước).

Phương pháp hạch toán tổng hợp hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cho hầu hết hàng tồn kho, duy nhất áp dụng kiểm kê định kỳ đối với nguyên liệu, công cụ tại bộ phận dịch vụ khách sạn..

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

6. Nguyên tắc kế toán TSCĐ và khấu hao TSCĐ:**Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình:**

- Tài sản cố định ghi chép ban đầu theo nguyên giá. Trong quá trình hoạt động tài sản cố định của Công ty được hạch toán theo 03 chỉ tiêu: nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.
- Nguyên giá của tài sản cố định được xác định là toàn bộ chi phí mà đơn vị đã bỏ ra để có được tài sản đó tính đến thời điểm đưa tài sản vào vị trí sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ:

Phương pháp khấu hao TSCĐ: Khấu hao TSCĐ được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung kèm theo. Số năm khấu hao của các tài sản cố định như sau:

Loại tài sản	Thời gian KH
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
Máy móc thiết bị	05 - 20 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị quản lý	03 - 10 năm
Phần mềm vi tính	03 - 08 năm

7. Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao.

8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

- Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.
- Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh, bao gồm:
 - + Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn.
 - + Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.
 - + Các khoản chi phí trả trước khác có phát sinh lớn mà theo xét đoán của ban lãnh đạo doanh nghiệp thì cần thiết được phân bổ cho nhiều kỳ kế toán.

9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả...

Phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác:

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và được đọc cùng BCTC)

Phải trả người bán phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả của doanh nghiệp cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người bán TSCĐ, BĐSĐT, các khoản đầu tư tài chính theo hợp đồng kinh tế đã ký kết.

Nợ phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải trả.

Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tại thời điểm lập báo cáo, căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả, nếu:

- Có thời hạn phải trả hoặc thanh toán không quá 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn.

- Có thời hạn phải trả hoặc thanh toán trên 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, các khoản phải trả bán có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ được quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh.

Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay

- Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc việc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

- Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất sản phẩm dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

- Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh.

- Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời, các khoản vốn vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay khi phát sinh vốn hóa.

- Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và được đọc cùng BCTC)

Các khoản chi phí phải trả gồm lãi vay, lãi trái phiếu trả sau, chi phí công trình, chi phí phải trả khác. Chi phí của các công trình xây dựng và tư vấn thiết kế đã có trong dự toán thực tế phát sinh nhưng chưa tập hợp đủ hồ sơ, tài liệu do các công trình xây dựng ở xa, nằm rải rác trên nhiều địa bàn được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Cơ sở xác định giá trị chi phí phải trả của các công trình xây dựng là giá trị công trình tạm tính hoặc biên bản tạm xác định khối lượng, cơ sở xác định giá trị chi phí phải trả của hoạt động tư vấn thiết kế căn cứ theo hợp đồng và phần công việc hoàn thành. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của Chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các cổ đông trên tỷ lệ cổ phiếu sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty

Các quỹ của Công ty được trích lập theo điều lệ và quyết định tại Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác:

Doanh thu trong năm của Công ty bao gồm doanh thu xây lắp, doanh thu bán vật tư, dịch vụ khách sạn nhà hàng và doanh thu hoạt động tài chính.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với doanh thu xây lắp được xác định theo giá trị khối lượng thực hiện, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu từng lần hoặc theo phiếu giá thanh toán, quyết toán của từng hạng mục công việc hoàn thành hoặc toàn bộ công trình xây lắp, hoá đơn tài chính, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán số 15 - Hợp đồng xây dựng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ;

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia, chênh lệch tỷ giá thực hiện và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.

Thu nhập khác: các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh gồm: thu nhập từ nhượng bán thanh lý TSCĐ, chênh lệch đánh giá lại tài sản đem đi góp vốn, tiền phạt, tiền bồi thường và các khoản thu nhập khác.

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán:

Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn hoạt động xây lắp được xác định đối với từng hợp đồng, công trình xây dựng riêng biệt và tương ứng với doanh thu trong kỳ, chi phí của từng hợp đồng, công trình đã được ghi nhận. Cụ thể:

Đối với các công trình cuối kỳ đã hoàn thành, bàn giao, doanh thu lũy kế đã hạch toán hết theo tổng giá trị nghiệm thu thanh toán thì giá vốn kết chuyển trong kỳ bằng toàn bộ chi phí lũy kế đã được ghi nhận (không còn chi phí dở dang).

Đối với các công trình cuối kỳ chưa hoàn thành hoặc hoàn thành nhưng chưa có quyết toán, thanh lý hợp đồng thì giá vốn trong kỳ được xác định trên cơ sở chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang phát sinh trong kỳ, tỷ lệ doanh thu ghi nhận trong kỳ với sản lượng dở dang đầu kỳ cộng sản lượng thực hiện trong kỳ.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí hợp đồng xây dựng:

Chi phí của hợp đồng xây dựng gồm: Chi phí trực tiếp liên quan đến từng hợp đồng, chi phí chung được phân bổ cho các hợp đồng có liên quan và các chi phí khác có thể thu lại từ khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng xây lắp.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:

Chi phí tài chính: Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong kỳ hiện tại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại: Được tính trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

18. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh.

Các bên liên quan: Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

		<i>Đơn vị tính: đồng</i>	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tiền			
Tiền mặt		12.746.738.289	8.028.863.625
Tiền gửi ngân hàng		13.590.925.514	7.607.053.651
Cộng		26.337.663.803	15.635.917.276
2. Phải thu của khách hàng		Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn		333.252.541.313	301.046.470.134
Công trình Trung Sơn		82.916.842.491	111.180.847.416
Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh		30.124.698.213	25.089.042.698
Công trình Sông Bung 5		89.342.887.744	33.216.137.676
Công trình Sêrêpôk 4A		23.559.253.370	39.959.253.370
Phải thu khách hàng khác		107.308.859.495	91.601.188.974
b. Phải thu của khách hàng dài hạn		232.001.040	232.001.040
Công trình Đồng Cam (kênh)		80.000.000	80.000.000
Công trình Suối Bèo		63.230.000	63.230.000
Công ty Xây dựng & Phát triển Hạ tầng		51.000.000	51.000.000
Phải thu khách hàng khác		37.771.040	37.771.040
c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		1.239.664.650	1.239.664.650
Công ty Cổ phần Du lịch Hàm Hồ		1.112.298.000	1.112.298.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Văn Phong		127.366.650	127.366.650
Cộng		334.724.207.003	302.518.135.824
3. Trả trước cho người bán ngắn hạn		Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH CAVICO Việt Nam		5.590.321.000	5.590.321.000
Ngô Ngọc Xuân Kiều		5.241.584.098	5.241.584.098
Công ty CP Cơ giới & Xây lắp số 10		5.496.925.192	5.530.030.879
Công ty TNHH Xây dựng & Thương mại Hạnh Châu		4.413.834.107	3.472.299.950
Robbins China		-	35.988.045.215
Trả trước cho khách hàng khác		22.568.168.208	32.906.616.464
Cộng		43.310.832.605	88.728.897.606
4. Phải thu khác		Số cuối kỳ	Số đầu năm
		Giá trị	Giá trị
		Dự phòng	Dự phòng
a. Ngắn hạn			
Tạm ứng	66.201.858.502	-	58.448.986.725
Các khoản phải thu khác	32.151.012.499	-	27.682.359.117
Lương ốm	34.050.846.003	-	30.766.627.608
Công ty Cổ phần LiLaMa 45.1	968.653.388	-	968.653.388
	586.277.147	-	586.277.147

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 08 Biên Cương, P.Ngô Mỹ, TP.Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Điện thoại: 0563 522 166 Fax: 0563 522 316

Thuyết minh báo cáo tài chính

cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Công ty CP Thủy điện Văn Phong	5.027.000.000	-	4.148.000.000	-
Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	16.414.879.000	-	16.414.879.000	-
Cổ tức nhận được do đầu tư	299.987.908	-	2.714.569.555	-
Các khoản phải thu khác	10.754.048.560	-	5.934.248.518	-
b. Dài hạn	1.766.199.339	-	1.731.996.967	-
Ký cược ký quỹ dài hạn	1.766.199.339	-	1.731.996.967	-
Cộng	67.968.057.841	-	60.180.983.692	-

5. Nợ xấu trích lập dự phòng

	Số dự phòng cuối kỳ	Số trích thêm trong kỳ	Số hoàn nhập trong kỳ	Số dự phòng đầu năm
Dự phòng phải thu khó đòi	(5.590.000.000)	-	-	(5.590.000.000)

Chi tiết trích lập dự phòng theo đối tượng

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH CAVICO Việt Nam	5.590.321.000	321.000	5.590.321.000	321.000
Cộng	5.590.321.000	321.000	5.590.321.000	321.000

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	54.696.076.014	-	57.322.141.906	-
Công cụ, dụng cụ	195.805.372	-	219.186.307	-
Chi phí SX, KD dở dang	812.400.000.000	-	786.793.953.354	-
Hàng hóa	404.292.829	-	750.986.453	-
Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho	867.696.174.215	-	845.086.268.020	-

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả: không.

7. Tài sản khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn	5.366.997.871	6.061.570.026
Thuế GTGT được khấu trừ	5.366.997.871	6.061.570.026
Dài hạn	-	-
Cộng	5.366.997.871	6.061.570.026

8. Tài sản cố định hữu hình <Chi tiết tại phụ lục số 02>**9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	11.242.048.017	746.937.273	11.988.985.290
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	11.242.048.017	746.937.273	11.988.985.290

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47Địa chỉ: Số 08 Biên Cương, P.Ngô Mây, TP.Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
Điện thoại: 0563 522 166 Fax: 0563 522 316

Thuyết minh báo cáo tài chính

cho kỳ hoạt động
từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017**Giá trị hao mòn lũy kế**

Số dư đầu năm		746.937.273	746.937.273
Khấu hao trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ		746.937.273	746.937.273
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	11.242.048.017	-	11.242.048.017
Số dư cuối kỳ	11.242.048.017	-	11.242.048.017

Quyền sử dụng đất diện tích 488,5 m² tại địa chỉ 4/7 đường số 3, KP5, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh không xác định thời hạn nên không trích khấu hao.

10. Chi phí XDCB dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kho xưởng Phước An	2.596.756.591	2.014.066.711
Nhà máy gạch Phước Thành	11.106.470.612	8.780.661.003
Dự án 105 Tây Sơn	10.617.683.197	8.863.080.178
Dự án Khu sinh thái Hồ Định Bình	3.041.794.343	3.022.280.218
Vườn rau Măng Đen	1.920.108.703	-
Tòa nhà 11 Biên Cương	359.023.495	162.554.057
Cộng	29.641.836.941	22.842.642.167

11. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty CP Thủy điện Văn Phong (1)	5.382.500	53.825.000.000	5.382.500	53.825.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Hàm Hồ (2)	763.500	7.635.000.000	763.500	7.635.000.000
Cộng		61.460.000.000		61.460.000.000

(1). Công ty cổ phần Thủy điện Văn Phong được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 4101309994 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 03 tháng 02 năm 2012. Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 02 tháng 10 năm 2014. Theo đó, vốn điều lệ đăng ký là 90.000.000.000 đồng Việt Nam. Hoạt động chính theo Giấy phép hoạt động của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: Đầu tư xây dựng các dự án Thủy điện và sản xuất kinh doanh điện). Trụ sở tại số 08, đường Biên Cương, phường Ngô Mây, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của công ty mẹ là 59,81%, vốn góp Công ty mẹ là 53.825.000.000đ, vốn góp cổ đông không có quyền kiểm soát là: 36.175.000.000đ.

(2). Công ty cổ phần Du lịch Hàm Hồ được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 4100511679 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 08 tháng 01 năm 2004. Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 07 tháng 08 năm 2014. Theo đó, vốn điều lệ là 10.000.000.000 đồng Việt Nam. Hoạt động chính là kinh doanh dịch vụ du lịch). Trụ sở tại thôn Phú Lâm xã Tây Phú huyện Tây Sơn tỉnh Bình Định. Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của công ty mẹ là 76,35%, vốn góp Công ty mẹ là 7.635.000.000đ, vốn góp cổ đông không có quyền kiểm soát là: 2.365.000.000đ.

<Xem chi tiết tại phụ lục 02>

12. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác <Chi tiết tại phụ lục số 02>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

13. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn <chi tiết tại phụ lục 02>

	Số dự phòng cuối kỳ	Số trích thêm trong kỳ	Số hoàn nhập trong kỳ	Số dự phòng đầu năm
Công ty CP Thủy điện Văn Phong	(9.248.169.438)	-	(757.565.555)	(10.005.734.993)
Cộng	(9.248.169.438)	-	(757.565.555)	(10.005.734.993)

14. Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí trả trước ngắn hạn	-	-
Chi phí trả trước dài hạn	23.652.441.285	13.172.975.672
<i>Kho mìn công trường Tân Mỹ</i>	14.166.669	28.333.335
<i>GPMB xưởng sửa chữa xe máy Phước An</i>	5.485.811.100	5.542.678.100
<i>GPMB Nhà máy gạch Phước Thành</i>	1.431.531.000	1.431.531.000
<i>Hầm TBM thượng Kon Tum</i>	2.768.541.902	5.537.083.802
<i>Cửa nhận nước hầm TBM Kon Tum</i>	316.674.717	633.349.435
<i>Ray California - Đa Nhim</i>	13.337.779.544	-
<i>Khách sạn Hải Âu</i>	297.936.353	-
Cộng	23.652.441.285	13.172.975.672

15. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn	309.093.198.823	309.093.198.823	309.093.198.823	399.527.966.857
Cty CP ĐTPT TM Hợp Nhất	42.938.342.559	42.938.342.559	42.938.342.559	38.142.545.581
Công ty TNHH TMDV Tân Trườ	45.486.523.428	45.486.523.428	45.486.523.428	51.661.589.656
Công ty TNHH MXD Vi Trác	26.129.184.653	26.129.184.653	26.129.184.653	89.729.733.599
Phải trả người bán ngắn hạn khác	194.539.148.183	194.539.148.183	194.539.148.183	219.994.098.021
b. Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
c. Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	-	-
Cộng	309.093.198.823	309.093.198.823	309.093.198.823	399.527.966.857

16. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	36.372.741.181	22.617.236.448
Công trình Thượng Kon Tum	30.124.698.213	-
Công trình Cửa Nhận Nước	5.134.736.940	-
Công trình Đường Hầm TBM	-	19.139.576.738
<i>Phải trả cho các đối tượng khác</i>	<i>1.113.306.028</i>	<i>3.477.659.710</i>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 08 Biên Cương, P.Ngô Mây, TP.Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
 Điện thoại: 0563 522 166 Fax: 0563 522 316

Thuyết minh báo cáo tài chính

cho kỳ hoạt động
 từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

b. Dài hạn	284.000.000.000	284.000.000.000
Công trình Đa Nhim	117.000.000.000	117.000.000.000
Công trình Đường Hàm TBM	130.000.000.000	130.000.000.000
Công trình Cửa Nhận Nước	37.000.000.000	37.000.000.000
Cộng	320.372.741.181	306.617.236.448

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước <Xem chi tiết tại phụ lục số 03>

18. Phải trả ngắn hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản thừa chờ giải quyết	29.127.609	-
Kinh phí công đoàn	4.465.339.727	4.293.177.727
BHXH, BHYT, BHTN	15.891.794.938	8.250.833.769
Phải trả về cổ phần hóa	130.705.324	130.705.324
Các khoản phải trả, phải nộp khác	20.974.819.533	65.210.174.670
<i>Thuế TNCN tạm thu</i>	<i>3.142.474.390</i>	<i>3.543.621.007</i>
<i>Thu tiền XKLD</i>	<i>1.596.753.150</i>	<i>1.259.679.900</i>
<i>CLB hưu trí</i>	<i>428.023.807</i>	<i>398.023.807</i>
<i>Ứng hộ đồng bào bão lụt</i>	<i>93.996.000</i>	<i>171.996.000</i>
<i>Liên danh Samsung-CC47</i>	<i>10.000.000.000</i>	<i>8.000.000.000</i>
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	<i>5.713.572.186</i>	<i>51.836.853.956</i>
Cộng	41.491.787.131	77.884.891.490

19. Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định	749.924.088.016	749.391.064.641
Vay đối tượng khác	604.033.035	620.533.035
Cộng	750.528.121.051	750.011.597.676

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/300495/HĐTD - HM ngày 01/07/2016 với hạn mức tín dụng ngắn hạn thường xuyên với số tiền tối đa là : 2.150.000.000.000 đồng (đã bao gồm hạn mức tín dụng của HĐTD số 01/2015 ngày 1/7/2015 chuyển sang) với mục đích bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, L/C (nếu có), thời hạn cấp hạn mức từ ngày 01/07/2016 đến hết ngày 30/06/2017. Các biện pháp đảm bảo theo các Hợp đồng thế chấp, cầm cố đã và sẽ ký kết giữa hai bên. Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Văn bản sửa đổi bổ sung HĐTD số 03/2016/300495/PLHĐTD-ĐA ngày 30/9/2016.

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/300495/HĐTD - HM ngày 03/07/2017 với hạn mức tín dụng ngắn hạn thường xuyên với số tiền tối đa là : 2.150.000.000.000 đồng (đã bao gồm hạn mức tín dụng của HĐTD số 01/2016 ngày 1/7/2016 chuyển sang) với mục đích bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, L/C (nếu có), thời hạn cấp hạn mức từ ngày ký Hợp đồng này đến hết ngày 30/06/2018. Các biện pháp đảm bảo theo các Hợp đồng thế chấp, cầm cố đã và sẽ ký kết giữa hai bên. Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 08 Biên Cương, P.Ngô Mây, TP.Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
 Điện thoại: 0563 522 166 Fax: 0563 522 316

Thuyết minh báo cáo tài chính

cho kỳ hoạt động
 từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Nợ dài hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</i>	396.257.783.226	294.071.867.280
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định	396.257.783.226	294.071.867.280
Cộng	396.257.783.226	294.071.867.280

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định theo hợp đồng tín dụng số 01/2016/300495/HĐTD - DA ngày 28/03/2016 với số tiền vay: 220.782.000.000 đồng. Mục đích vay để đầu tư máy móc thiết bị thi công công trình mở rộng Nhà máy thủy điện Đa Nhim, thời hạn vay 42 tháng, lãi suất 11%/năm. Văn bản sửa đổi bổ sung HĐTD số 01/2016/300495/PLHĐTD-DA ngày 25/05/2016. Văn bản sửa đổi bổ sung HĐTD số 02/2016/300495/PLHĐTD-DA ngày 16/11/2016.

<Xem chi tiết tăng giảm và khả năng trả nợ tại Phụ lục số 04>

20. Vốn góp chủ sở hữu**20.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu <Chi tiết tại Phụ lục số 05>**

20.2 Chi tiết vốn cơ cấu tỷ lệ cổ đông sở hữu	Tỷ lệ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của các cổ đông khác	100%	170.201.300.000	170.201.300.000
Cộng		170.201.300.000	170.201.300.000

20.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:

	Kỳ này	Năm trước
- Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	170.201.300.000	120.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	50.201.300.000
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	170.201.300.000	170.201.300.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

20.4 Cổ phiếu

	Kỳ này	Năm trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành:	17.020.130	17.020.130
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng:	17.020.130	17.020.130
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	17.020.130	17.020.130
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	17.020.130	17.020.130
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	17.020.130	17.020.130
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/1 cổ phiếu		

20.5 Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển	42.711.223.819	42.711.223.819
Cộng	42.711.223.819	42.711.223.819

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Các quỹ của doanh nghiệp được trích căn cứ theo Điều lệ công ty và theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên. Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp: để dự phòng rủi ro có thể xảy ra và đầu tư phát triển doanh nghiệp theo chiều sâu.

Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại:

- Đô la Mỹ (USD)

Số cuối kỳ**Số đầu năm**

16.943,78

94.113,89

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH <đồng>**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****Kỳ này****Kỳ trước**

Doanh thu bán hàng

5.213.079.485

4.524.048.115

Doanh thu thi công xây lắp chính

428.180.295.579

660.664.170.213

Doanh thu dịch vụ khách sạn du lịch

54.382.769.749

47.909.117.482

Doanh thu nhượng bán vật tư

2.529.132.351

7.549.336.420

Doanh thu khác

5.397.818.981

3.886.587.932

Cộng**495.703.096.145****724.533.260.162****2. Các khoản giảm trừ doanh thu****22.851.400****16.825.178**

Thuế tiêu thụ đặc biệt

22.851.400

16.825.178

3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**Kỳ này****Kỳ trước**

Doanh thu bán hàng

5.213.079.485

4.524.048.115

Doanh thu thi công xây lắp chính

428.180.295.579

660.664.170.213

Doanh thu dịch vụ khách sạn du lịch

54.359.918.349

47.892.292.304

Doanh thu nhượng bán vật tư

2.529.132.351

7.549.336.420

Doanh thu khác

5.397.818.981

3.886.587.932

Cộng**495.680.244.745****724.516.434.984****4. Giá vốn hàng bán****Kỳ này****Kỳ trước**

Giá vốn hàng bán

6.540.372.666

4.215.583.437

Giá vốn thi công xây lắp

364.526.951.536

586.254.507.745

Giá vốn của dịch vụ Khách sạn

43.569.732.762

37.135.324.937

Giá vốn nhượng bán vật tư

2.272.604.212

6.762.718.683

Cộng**416.909.661.176****634.368.134.802****5. Doanh thu hoạt động tài chính****Kỳ này****Kỳ trước**

Lãi tiền gửi, tiền cho vay

11.971.495

546.133.264

Cổ tức, lợi nhuận được chia

3.929.987.908

1.742.400.000

Cộng**3.941.959.403****2.288.533.264**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

6. Chi phí tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền vay	52.887.816.917	50.048.969.380
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(757.565.555)	-
Chi phí tài chính khác	5.458.679.886	7.233.155.541
Cộng	57.588.931.248	57.282.124.921

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí cho nhân viên	6.167.260.000	6.132.018.000
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.437.677.247	1.169.920.217
Chi phí đồ dùng văn phòng	22.917.273	59.033.636
Chi phí khấu hao TSCĐ	101.626.000	101.626.000
Thuế phí và lệ phí	76.789.425	8.188.769
Chi phí bằng tiền khác	10.380.812.248	9.703.701.979
Cộng	18.187.082.193	17.174.488.601

8. Thu nhập khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	6.746.539.818
Thu nhập khác	233.039.214	58.724.846
Cộng	233.039.214	6.805.264.664

9. Chi phí khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	-	6.714.013.200
Thuế nộp chậm, phạt, truy thu	81.546.596	-
Chi phí khác	1.083.410.300	425.076.247
Cộng	1.164.956.896	7.139.089.447

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế:	6.004.611.849	17.646.395.141
Điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế	(3.929.987.908)	(1.742.400.000)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm:	3.929.987.908	1.742.400.000
- Cổ tức nhận được	3.929.987.908	1.742.400.000
Tổng thu nhập chịu thuế:	2.074.623.941	15.903.995.141
Thuế suất thuế TNDN:	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành.	414.924.788	3.180.799.028
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay.	6.008.729	-
Thuế TNDN phải nộp	420.933.517	3.180.799.028

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 08 Biên Cương, P.Ngô Mây, TP.Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
 Điện thoại: 0563 522 166 Fax: 0563 522 316

Thuyết minh báo cáo tài chính

cho kỳ hoạt động
 từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	100.220.564.924	293.332.506.323
Chi phí nhân công	110.178.428.335	152.039.404.185
Chi phí máy thi công	42.612.914.661	63.338.558.877
Chi phí khấu hao tài sản cố định	51.794.670.812	38.740.206.618
Chi phí dịch vụ mua ngoài	122.220.978.652	121.106.847.017
Chi phí khác bằng tiền	30.002.439.926	60.957.328.666
Cộng	457.029.997.310	729.514.851.686

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ <đòi

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ *Đơn vị tính: đồng*

1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ (MS 33) <i>Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường</i>	435.693.264.859
2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ (MS 34) <i>Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường</i>	332.990.825.538

VIII. Những thông tin khác:**1. Công cụ tài chính:****1.1. Quản lý rủi ro:**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm các khoản nợ, tiền và các khoản tương đương tiền và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối).

1.2. Các loại công cụ tài chính:**Tài sản tài chính:**

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.337.663.803	15.635.917.276
Phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác	438.414.897.070	443.874.019.115
Đầu tư ngắn hạn	-	-
Đầu tư dài hạn	92.211.830.562	91.454.265.007
Tài sản tài chính khác	-	-
Công nợ tài chính		
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn	1.146.785.904.277	1.044.083.464.956
Phải trả người bán ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác	350.584.985.954	477.412.858.347
Công nợ tài chính khác	-	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

1.3. Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính:

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Quản lý rủi ro tỷ giá: rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro tỷ giá do các nghĩa vụ nợ ngoại tệ (nếu có) đều được thanh toán bằng ngoại tệ.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro về lãi suất là rủi ro về giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro về lãi suất là của công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay. Công ty không có bất kỳ rủi ro lãi suất trọng yếu nào vì Công ty chỉ quan hệ giao dịch truyền thống lâu năm với các ngân hàng uy tín và được ngân hàng ưu đãi với mức lãi suất thấp nhất, có lợi nhất cho công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh vì các khoản phải thu khách hàng chủ yếu bằng tiền mặt.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền và các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phát sinh và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận. Công nợ tài chính được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu và ngày đáo hạn hợp đồng theo ngày sớm nhất mà công ty phải trả:

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	750.528.121.051	-
Phải trả người bán ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác	350.584.985.954	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	396.257.783.226

2. Thông tin về các bên liên quan:**Các bên liên quan**

Công ty Cổ phần Du lịch Hàm Hô

Công ty Cổ phần Thủy điện Văn Phong

Ông Nguyễn Lương Am

Mối quan hệ

Công ty con

Công ty con

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: đồng	
		Số tiền	
Công ty Cổ phần du lịch Hàm Hồ	Chia cổ tức		299.987.908
Công nợ với bên liên quan	Quan hệ với Công ty	Số cuối kỳ	Số đầu năm
* Các khoản phải thu		6.566.652.558	373.536.205
<i>Phải thu khách hàng</i>		<i>1.239.664.650</i>	<i>1.239.664.650</i>
Công ty Cổ phần Du lịch Hàm Hồ	Công ty con	127.366.650	127.366.650
Công ty Cổ phần Thủy điện Văn Phong	Công ty con	1.112.298.000	1.112.298.000
<i>Phải thu khác</i>		<i>5.326.987.908</i>	<i>4.394.169.555</i>
Công ty Cổ phần Du lịch Hàm Hồ	Công ty con	299.987.908	246.169.555
Công ty Cổ phần Thủy điện Văn Phong	Công ty con	5.027.000.000	4.148.000.000
Thu nhập của các thành viên chủ chốt		Kỳ này	Kỳ trước
Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát		1.135.866.538	1.157.165.850

3. Trình bày doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận:

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau do rủi ro và tỷ suất sinh lời của công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ công ty cung cấp.

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Lĩnh vực kinh doanh thương mại;
- Lĩnh vực xây lắp chính;
- Lĩnh vực dịch vụ khách sạn du lịch;
- Lĩnh vực bán vật tư;
- Lĩnh vực kinh doanh khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định, các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

* Kết quả hoạt động kinh doanh theo bộ phận			Đơn vị tính: đồng
Chỉ tiêu	Doanh thu thuần	Chi phí bộ phận	KQKD theo bộ phận
- Lĩnh vực kinh doanh thương mại;	5.213.079.485	6.540.372.666	(1.327.293.181)
- Lĩnh vực xây lắp chính;	428.180.295.579	364.526.951.536	63.653.344.043
- Lĩnh vực dịch vụ khách sạn du lịch;	54.359.918.349	43.569.732.762	10.790.185.587
- Lĩnh vực bán vật tư;	2.529.132.351	2.272.604.212	256.528.139
- Lĩnh vực kinh doanh khác.	5.397.818.981	-	5.397.818.981

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47Địa chỉ: Số 08 Biên Cương, P.Ngô Mây, TP.Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
Điện thoại: 0563 522 166 Fax: 0563 522 316**Thuyết minh báo cáo tài chính**cho kỳ hoạt động
từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Kết quả hoạt động kinh doanh theo bộ phận	495.680.244.745	416.909.661.176	78.770.583.569
Các khoản chi phí không phân bổ theo bộ phận			(18.187.082.193)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			60.583.501.376
Doanh thu hoạt động tài chính			3.941.959.403
Chi phí tài chính			(57.588.931.248)
Thu nhập khác			233.039.214
Chi phí khác			(1.164.956.896)
Chi phí thuế TNDN hiện hành			(420.933.517)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			5.583.678.332

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu cùng kỳ năm 2016 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội - CPAHANOI. Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội - CPAHANOI.

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng, Công ty sẽ tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh trong các kỳ tiếp theo.

6. Những thông tin khác**6.1 Một số chỉ tiêu tài chính**

Chỉ tiêu	ĐVT	Kỳ này	Kỳ trước
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu vốn			
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	61,49	61,53
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	38,51	38,47
1.2. Bố trí cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	87,68	87,68
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	12,32	12,32
2. Khả năng thanh toán			
2.1. Khả năng thanh toán tổng quát	lần	1,14	1,14
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	1,09	1,02
2.3. Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,02	0,01
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	1,21	2,44
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	1,13	2,00
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	0,28	0,84
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	0,26	0,68

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

6.2 Thông tin khác

Quyết toán thuế của công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định của thuế về việc áp dụng các quy định và chuẩn mực kiểm toán cho các giao dịch tại đơn vị có thể được giải thích theo cách khác nhau. Vì vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể được thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Người lập biểu



Hồ Đình Phong

Kế toán trưởng



Phạm Văn Nho

TP.Quy Nhơn, ngày 28 tháng 07 năm 2017

Tổng Giám đốc



Dương Minh Quang

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 08 Biên Cương, P.Ngô Mây, TP.Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Điện thoại: 0563 522 166 Fax: 0563 522 316

Thuyết minh Báo cáo tài chính

cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

08. Phụ lục 01: Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá tài sản cố định					
Số dư đầu năm	180.838.659.571	871.954.690.870	210.558.559.536	13.667.022.670	1.277.018.932.647
- Mua trong kỳ	-	52.053.162.550	-	-	52.053.162.550
- XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	180.838.659.571	924.007.853.420	210.558.559.536	13.667.022.670	1.329.072.095.197
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	19.745.913.646	415.753.379.853	150.288.208.159	10.489.629.190	596.277.130.848
- Khấu hao trong kỳ	1.936.273.779	41.730.462.177	7.761.921.072	366.013.784	51.794.670.812
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	21.682.187.425	457.483.842.030	158.050.129.231	10.855.642.974	648.071.801.660
Giá trị còn lại của TSCĐ					
- Tại ngày đầu năm	161.092.745.925	456.201.311.017	60.270.351.377	3.177.393.480	680.741.801.799
- Tại ngày cuối kỳ	159.156.472.146	466.524.011.390	52.508.430.305	2.811.379.696	681.000.293.537

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, Đống Đa, Hà Nội
 Điện thoại: 04 3869 3434 Fax: 04 3869 1568

Thuyết minh Báo cáo tài chính
 cho kỳ hoạt động
 từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

12. Phụ lục số 02: Các khoản đầu tư tài chính**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đơn vị tính: đồng

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con				
Công ty CP Thủy điện Văn Phong	61.460.000.000	(9.248.169.438)	61.460.000.000	(10.005.734.993)
Công ty Cổ phần Du lịch Hàm Hồ	53.825.000.000	(9.248.169.438)	53.825.000.000	(10.005.734.993)
	7.635.000.000	-	7.635.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn (*)	40.000.000.000	-	40.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Định Bình (**)	26.800.000.000	-	26.800.000.000	-
	13.200.000.000	-	13.200.000.000	-

(*): Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn với số tiền: 26.800.000.000 đồng (3.041.800 CP) chiếm 8% vốn điều lệ.

(**): Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Định Bình với số tiền: 13.200.000.000 đồng (1.452.000 CP) chiếm 9,28% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 08 Biên Cương, P.Ngô Mây, TP.Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
 Điện thoại: 0563 522 166 Fax: 0563 522 316

Thuyết minh Báo cáo tài chính
 cho kỳ hoạt động
 từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

17a,b. Phụ lục 03: Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: đồng

	Số đầu năm		Phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số thực nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	-	13.969.507.123	13.969.507.123	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	1.722.380	45.702.800	44.567.836	-	2.857.344
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	305.938.829	305.938.829	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.082.526.040	-	420.933.517	-	2.661.592.523	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	825.194.880	825.194.880	-	-
Thuế tài nguyên	-	-	790.624.500	790.624.500	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	-	1.778.103.741	1.778.103.741	-	-
Các loại thuế khác	37.166.827	-	532.704.235	532.704.235	37.166.827	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	173.500.000	322.623.000	149.123.000	-
Cộng	3.119.692.867	1.722.380	18.842.209.625	18.569.264.144	2.847.882.350	2.857.344

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 08 Biên Cương, P.Ngô Mây, TP.Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
 Điện thoại: 0563 522 166 Fax: 0563 522 316

Thuyết minh Báo cáo tài chính
 cho kỳ hoạt động
 từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

19. Phụ lục 04: Chi tiết tăng giảm và khả năng trả nợ

Đơn vị tính: đồng

Vay và nợ thuê tài chính	Số cuối kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số đầu năm	Số có khả năng trả nợ
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm		
a.						
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	750.528.121.051	750.528.121.051	305.907.348.913	305.390.825.538	750.011.597.676	750.011.597.676
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định	749.924.088.016	749.924.088.016	305.905.848.913	305.372.825.538	749.391.064.641	749.391.064.641
Vay đối tượng khác	604.033.035	604.033.035	1.500.000	18.000.000	620.533.035	620.533.035
b.						
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	396.257.783.226	396.257.783.226	129.785.915.946	27.600.000.000	294.071.867.280	294.071.867.280
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định	396.257.783.226	396.257.783.226	129.785.915.946	27.600.000.000	294.071.867.280	294.071.867.280
Nợ dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	1.146.785.904.277	1.146.785.904.277	435.693.264.859	332.990.825.538	1.044.083.464.956	1.044.083.464.956

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 08 Biên Cương, P.Ngô Mây, TP.Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Điện thoại: 0563 522 166 Fax: 0563 522 316

Thuyết minh Báo cáo tài chính

cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Phụ lục 05: Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu**A- BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác thuộc chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
1. Số dư đầu năm trước	120.000.000.000	30.190.801.117	10.449.146.977	41.275.229.151	21.750.000.000	223.665.177.245
- Tăng vốn trong năm trước	50.201.300.000	-	-	-	-	50.201.300.000
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	9.894.886.697	9.894.886.697
- Tăng khác	-	4.040.260.000	-	1.435.994.668	-	5.476.254.668
- Phân phối trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	1.550.853.023	10.449.146.977	-	14.236.886.697	26.236.886.697
2. Số dư cuối năm trước	170.201.300.000	32.680.208.094	-	42.711.223.819	17.408.000.000	263.000.731.913
3. Số dư đầu năm nay	170.201.300.000	32.680.208.094	-	42.711.223.819	17.408.000.000	263.000.731.913
- Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	5.583.678.332	5.583.678.332
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-
+ Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-
+ Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-
+ Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	170.201.300.000	32.680.208.094	-	42.711.223.819	22.991.678.332	268.584.410.245

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)